

Nà Hỡ, ngày 27 tháng 09 năm 2025

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

- I. Thời gian:** 07 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 09 năm 2025
- II. Địa điểm:** Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ, xã Nà Hỡ, tỉnh Điện Biên
- III. Thành Phần gồm:**
1. Ông: Trần Hoàng – Hiệu trưởng – Chủ tọa
 2. Ông: Nguyễn Xuân Trường – Phó hiệu trưởng
 3. Bà: Tao Thị Thu Hà – Phó hiệu trưởng
 4. Ông: Nguyễn Văn Thanh – Trưởng Ban thanh tra nhân dân
 5. Bà: Xa Thị Thuý – Nhân viên kế toán
 6. Bà: Hà Thị Hương – Thư ký hội đồng
- IV. Nội Dung:**

Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ tiến hành niêm yết, công khai theo thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TTBTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính. Cụ thể như sau:

1. **Công khai và niêm yết công khai giao dự toán NSNN năm 2025**
 2. **Các số liệu công khai bao gồm:** Quyết định giao dự toán số 233/QĐ-UBND ngày 26/09/2025, Quyết định công khai dự toán số 218/QĐ-THCSNH ngày 27/09/2025 và biểu mẫu số 2 kèm theo.
 3. **Hình thức công khai:** Dán trên bảng tin và đăng tải trên trang Website Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ.
 4. **Thời gian niêm yết công khai:** Từ ngày 27/09/2025 đến hết ngày 27/10/2025.
- Biên bản kết thúc hồi 8 giờ 15 phút cùng ngày, những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ


Hà Thị Hương



Trần Hoàng

Số: 218/QĐ-THCSNH

Nà Hỡ, ngày 27 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2025
của Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT THCS NÀ HỖ

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 09 năm 2025 của UBND xã Nà Hỡ về việc tạm cấp kinh phí chi Ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc xã (đợt 3), năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Phó Hiệu trưởng, bộ phận kế toán và viên chức, người lao động Trường PTDTBT THCS Nà Hỡ tổ chức, thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Trần Hoàng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Nà Hỳ

Chương: 822



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 218/QĐ-THCSNH ngày 27/09/2025 của Trường PTDTBT THCS Nà Hỳ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

(Đơn vị: đồng)

Số TT	Nội dung	Dự toán được tạm giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.210.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.210.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.210.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.210.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	

8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NÀ HỖ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 233/QĐ-UBND

Nà Hỡ, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương cho các cơ quan,
đơn vị sự nghiệp thuộc xã (đợt 3), năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÀ HỖ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc tạm cấp ngân sách chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các xã phường mới thành lập, năm 2025; Thông báo số 2504/TB-STC ngày 25/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương cho các xã, phường mới thành lập (đợt 2), năm 2025; Thông báo số 3018/TB-STC ngày 22/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương cho các xã, phường mới thành lập (đợt 3), năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 53-TB/ĐU ngày 26/9/2025 của thường trực Đảng ủy về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc xã (đợt 3), năm 2025;

Theo đề nghị phòng Kinh tế tại Tờ trình số 20/TTr-KT ngày 19/9/2025; Tờ trình số 21/TTr-KT ngày 22/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc xã (đợt 3), năm 2025, như sau:

- **Tổng số tiền tạm cấp: 17.514 triệu đồng** (Mười bảy tỷ, năm trăm mười bốn triệu đồng), trong đó:

- + Chi Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 7.252 triệu đồng.
- + Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề: 10.055 triệu đồng.
- + Chi quốc phòng: 115 triệu đồng.
- + Chi An ninh: 92 triệu đồng.

- **Nguồn kinh phí:** Nguồn ngân sách tỉnh tạm cấp cho ngân sách xã tại Thông báo số 3018/TB-STC ngày 22/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên về việc tạm cấp kinh phí chi ngân sách địa phương cho các xã, phường mới thành lập (đợt 3), năm 2025 và phần kinh phí tạm giao đợt I (tại Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên); đợt 2 (tại Thông báo số 2504/TB-STC ngày 25/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh Điện Biên) còn dư.

(Chi tiết như biểu kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán tạm cấp, các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng Phòng giao dịch số 3, Kho bạc nhà nước khu vực X và Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Lãnh đạo HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban KT - XH xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Chu Văn Sử

**CHI TIẾT TẠM CẤP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC
XÃ NÀ HỖ (ĐỢT 3), NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 26/09/2025 của UBND xã Nà Hổ)

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Chương	Khoản	Mã nguồn NSNN	Kinh phí tạm cấp	Ghi chú
CỘNG TỔNG					17.514	
I	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				7.252	
1	Đảng ủy xã	819	351	13	520	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương phụ cấp cán bộ không chuyên trách theo mức lương cơ sở 2,34trđ; các khoản chi hoạt động đặc thù của đơn vị...)				520	
2	Ủy ban mặt trận tổ quốc xã	820	361	13	565	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương phụ cấp cán bộ không chuyên trách theo mức lương cơ sở 2,34trđ)				325	
-	Kinh phí chi tổ chức 5 Đại hội (Ủy ban MTTQVN, HCCB, Hội LHPN, ĐTN) lần thứ I nhiệm kì 2025-2030				240	
3	Văn phòng HĐND và UBND	830	341	13	625	
*	Chi quản lý hành chính				625	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương phụ cấp cán bộ không chuyên trách theo mức lương cơ sở 2,34trđ và các khoản chi hoạt động đặc thù của đơn vị...)				625	
4	Phòng Kinh tế	831	341	13	221	
*	Chi quản lý hành chính				221	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của công chức tại mức lương cơ sở 2,34 trđ; Chi công tác phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác)				221	
5	Phòng Văn hóa	832			5.191	
*	Chi quản lý hành chính		341	13	191	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của công chức tại mức lương cơ sở 2,34 trđ)				166	
-	Kinh phí khen thưởng đột xuất trong đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật các hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng tám, Quốc khánh 02/9 và Đại hội Đảng các cấp				4	
-	Kinh phí tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước xã Nà Hổ lần thứ I (2025 – 2030)				21	
*	Chi đảm bảo xã hội		398	12	5.000	
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ xã hội				5.000	



TT	Cơ quan, đơn vị	Chương	Khoản	Mã nguồn NSNN	Kinh phí tạm cấp	Ghi chú
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	833	341	13	130	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của công chức tại mức lương cơ sở 2,34 trđ; truy lĩnh lương phụ cấp lương từ 15/9/2024 đến 31/12/2024 số tiền 2.383.290 đồng)				130	
II	Sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				10.055	
1	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	989			30	
*	Sự nghiệp văn hóa và thông tin		161	13	15	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức tại mức lương cơ sở 2,34 trđ;)				15	
*	Sự nghiệp thể dục, thể thao		221	13	15	
-	Kinh phí hỗ trợ tổ chức giải thể thao xã Nà Hỳ trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2025				15	
3	Trung tâm chính trị	989	098	13	30	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				30	
4	Trường Mầm non Hoa Ban	822	071	13	640	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				640	
5	Trường Mầm non Nà Hỳ	822	071	13	1.030	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				1.030	
6	Trường Mầm non Nậm Chua	822	071	13	540	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				540	
7	Trường Mầm non Nà Khoa	822	071	13	585	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				585	
8	Trường Mầm non Nậm Nhừ	822	071	13	680	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				680	

TT	Cơ quan, đơn vị	Chương	Khoản	Mã nguồn NSNN	Kinh phí tạm cấp	Ghi chú
9	Trường PTDTBT TH Nhà Hỷ	822	072	13	1.590	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				1.590	
10	Trường PTDTBT TH Nhà Khoa	822	072	13	520	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				520	
11	Trường PTDTBT THCS Nhà Hỷ	822	073	13	1.210	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				1.210	
12	Trường PTDTBT THCS Nậm Chua	822	073	13	1.185	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				1.185	
13	Trường PTDTBT THCS Nhà Khoa	822	073	13	595	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				595	
14	Trường PTDTBT TH - THCS Nậm Nhừ	822	073	13	1.420	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương của viên chức, người lao động)				1.420	
III	Quốc phòng				115	
1	Văn phòng HĐND và UBND	830	011	13	115	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm lương, phụ cấp lương của Chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự huyện; các khoản phụ cấp lực lương dân quân tự vệ và chi khám sở tuyển nghĩa vụ Quân sự)				115	
IV	An ninh, trật tự				92	
1	Văn phòng HĐND và UBND	830	041	13	92	
-	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (đã bao gồm phụ cấp của lực lượng đảm bảo an ninh trật tự tại cơ sở)				92	